

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ A
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2024/HSST
Ngày 13/06/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ A**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Ph.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Xuân H và ông Nguyễn Trần Tr.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ch, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố A, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Lan B, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố A, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 170/2024/TLST-HS, ngày 31 tháng 05 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2024/QĐXXST-HS ngày 03/06/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Huy D, sinh năm 1979; ĐKKHKT: khu phố TX, phường CK, thành phố A, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Huy V, sinh năm 1957 và bà Ngô Thị K, sinh năm 1961; Vợ: Đặng Thị G, sinh năm 1981 (đã ly hôn); Con: Có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/3/2024 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố A, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Nguyễn Minh C, sinh năm 1994;

ĐKKHKT: khu phố TT, phường TG, thành phố A, tỉnh Bắc Ninh. (Xin xét xử vắng mặt);

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Huy V, sinh năm 1957 (Có mặt);
2. Bà Ngô Thị K, sinh năm 1961 (Có mặt);

Cùng trú tại: khu phố TX, phường CK, thành phố A, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Huy D, sinh năm 1979, trú tại: khu phố TX, phường CK, thành phố A, tỉnh Bắc Ninh đã từng đi nghĩa vụ Công an và được chuyển chuyên nghiệp Cục Cảnh sát bảo vệ từ năm 1997 đến năm 2002, công tác tại công an xã CK từ năm 2009 đến năm 2012 thì nghỉ. Từ năm 2012 đến nay, đề tạo vỏ bọc và niềm tin với mọi người, D thường giới thiệu bản thân mình đang công tác và làm việc tại Cục hình sự thuộc Bộ Công an, quen biết rộng có thể lo được nhiều việc nhưng thực chất D không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên vắng mặt tại địa phương.

Trước đây D từng đi nghĩa vụ trong Công an cùng với anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1991, HKTT tại: số 175, phường ĐC, quận HM, thành phố MN là chồng của chị Nguyễn Minh C, sinh năm 1994, trú tại: khu phố TT, phường TG, thành phố A, tỉnh Bắc Ninh nên chị C đã gặp D vài lần. Do tin tưởng việc D nói đang làm trong Bộ Công an là thật, chị C đã gặp D và đặt vấn đề nhờ D giúp xin giảm nhẹ hình phạt cho em họ là Nguyễn Xuân T, sinh năm 1994, trú tại: khu phố PX 2, phường PF, thành phố A, tỉnh Bắc Ninh đang chuẩn bị bị Tòa án nhân dân thành phố A đưa ra xét xử, muốn nhờ D xin giảm hình phạt từ khoản 2 xuống khoản 1. Mặc dù D không làm trong lĩnh vực này, biết không có khả năng xin giảm hình phạt nhưng D vẫn nhận lời giúp chị C. D nói với chị C là có quen biết anh Tạ Hữu Z công tác tại Tòa án nhân dân thành phố A nên giúp được nhưng phải chi số tiền 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*). Chị C đồng ý và trình bày hoàn cảnh gia đình của em họ khó khăn, nên không thể đưa một lúc số tiền như vậy, nên chị C và D đã thỏa thuận, thống nhất sẽ đưa tiền làm nhiều lần. D đồng ý.

Để lo việc cho em họ, sáng ngày 05/9/2022, chị C được anh Q chở đến gặp D tại quán cà phê Bamboo thuộc địa phận khu phố ZS, phường SD, thành phố A, tỉnh Bắc Ninh, do trước đó D có hẹn gặp chị C tại đây. Khi đến cửa quán, anh Q đứng ngoài, chỉ mình chị C đi vào trong quán gặp D để đưa trước số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Sau đó, chị C đã chuyển khoản nhiều lần từ số tài khoản ngân hàng Vietinbank 103869540030 mang tên chị C đến số tài khoản ngân hàng Agribank 1507205742939 của D theo yêu cầu của D với tổng số tiền 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*). Toàn bộ số tiền trên là của bà Lê Thị Y, sinh năm 1971 trú tại khu phố PX 2, phường PF, thành phố A, tỉnh Bắc Ninh là mẹ của Nguyễn Xuân T (dì ruột của C) đưa cho C. Cụ thể:

Ngày 14/09/2022, chị C thông qua tài khoản ngân hàng chuyển cho D số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Với nội dung tin nhắn “NGUYỄN MINH C gửi anh lo việc cho em T”;

Ngày 30/9/2022, chị C thông qua tài khoản ngân hàng Vietinbank chuyển cho D số tiền 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*). Với nội dung tin nhắn “NGUYỄN MINH C gửi anh giúp Nguyễn Xuân T”;

Ngày 19/10/2022, chị C thông qua tài khoản ngân hàng Vietinbank chuyển cho D số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Với nội dung tin nhắn “NGUYỄN MINH C nhờ giúp Nguyễn Xuân T”;

Ngày 06/12/2022, chị C thông qua tài khoản ngân hàng Vietinbank chuyển cho D số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Với nội dung tin nhắn “NGUYỄN MINH C nhờ anh giúp Nguyễn Xuân T”;

Ngày 23/12/2022, chị C thông qua tài khoản ngân hàng Vietinbank chuyển cho D số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng). Với nội dung tin nhắn “NGUYỄN MINH C nhờ anh giúp Nguyễn Xuân T”;

Ngày 11/01/2023, chị C thông qua tài khoản ngân hàng Vietinbank chuyển cho D số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Với nội dung tin nhắn “NGUYỄN MINH C nhờ anh Z giúp đỡ em Nguyễn Xuân T”.

Tất cả những lần chuyển tiền, D đều hứa hẹn với chị C sẽ sử dụng số tiền này để lo việc cho T. Như vậy, tổng số tiền D đã nhận từ chị C để lo giảm hình phạt cho T là 140.000.000 đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng). Số tiền này D đã không sử dụng vào mục đích như D hứa, D đã chi tiêu cá nhân hết.

Quá trình nhờ D lo việc cho T, do tin tưởng, chị C có nói chuyện với D về việc gặp khó khăn trong việc kinh doanh quán Karaoke của dì ruột chị C là bà Lê Thị O, sinh năm 1973, trú tại: khu phố PF, phường PP, thành phố A, tỉnh Bắc Ninh khi chưa có giấy phép phòng cháy chữa cháy. D biết không giúp được nhưng vẫn nói có quen biết với anh Đặng Đình Kh công tác tại đơn vị Phòng cháy chữa cháy và Cứu hộ cứu nạn Công an tỉnh Bắc Ninh có khả năng làm được việc này. Vì vậy, chị C tiếp tục có đặt vấn đề nhờ D làm giúp cấp lại giấy phép đăng ký kinh doanh, giấy an ninh, giấy phép phòng cháy chữa cháy cho quán karaoke NĐ cho bà O và được D đồng ý. Ban đầu D nói để lo được giấy phép phòng cháy chữa cháy phải hết 50.000.000 đồng, sau đó nêu ra nhiều lý do để yêu cầu chị C chuyển thêm tiền. Tổng số tiền D yêu cầu và đã nhận của chị C là 66.000.000 đồng (*Sáu mươi sáu triệu đồng*), số tiền này chị C đều chuyển từ số tài khoản ngân hàng Vietinbank 103869540030 mang tên chị C đến số tài khoản ngân hàng Agribank của D (đây là tiền của bà O đưa cho chị C), cụ thể:

Ngày 14/2/2023, chị C thông qua tài khoản ngân hàng chuyển cho D số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Với nội dung tin nhắn “NGUYỄN MINH C nhờ anh giúp đỡ quán nhà em Karaoke NĐ”;

Ngày 25/02/2023, chị C thông qua tài khoản ngân hàng chuyển cho D số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Với nội dung tin nhắn “NGUYỄN MINH C nhờ anh giúp đỡ quán nhà em karaoke NĐ”;

Ngày 04/04/2023, chị C thông qua tài khoản ngân hàng chuyển cho D số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Với nội dung tin nhắn “NGUYỄN MINH C chuyển tiền nhờ anh lo giấy tờ giúp quán karaoke NĐ”.

Sau mỗi lần chiếm đoạt được tiền do chị C chuyển, D đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 24/5/2023 Tòa án nhân dân thành phố A đã đưa bị cáo Nguyễn Xuân T ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật, không đúng như những gì D đã hứa hẹn, biết đã bị D lừa, chị C đã nhiều lần đòi nhưng D trốn tránh, không trả.

Ngày 24/10/2023, chị C đã làm đơn tố giác hành vi chiếm đoạt tài sản của D đến cơ quan Công an thành phố A, đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan điều tra đã tiếp nhận, xác minh tin báo, ngày 25/02/2024 đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can, ngày 19/03/2024, D đã bị bắt tạm giam theo lệnh bắt bị can để tạm giam của Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT tiến hành làm việc với anh Tạ Hữu Z và anh Đặng Đình Kh, theo lời khai của D là anh Z công tác tại Tòa án nhân dân thành phố A và anh Kh công tác tại Phòng cháy chữa cháy và Cứu hộ cứu nạn Công an tỉnh Bắc Ninh là hai người D liên hệ để nhờ thực hiện công việc cho chị C. Quá trình điều tra xác định anh Z có công tác tại Tòa án nhân dân thành phố A với chức danh Thư ký tòa án, đến năm 2018 chuyển công tác không còn làm ở đây. Anh có biết D thông qua việc thụ lý hồ sơ ly hôn với vợ thứ nhất của D, từ đó đến nay không liên hệ gì với D, anh không liên quan gì đến vụ việc trên. Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với anh Khả xác định anh Khả trước đây có quen biết với D, trong thời gian từ năm 2021 đến nay không có gặp gỡ hay liên hệ gì với D, anh không liên quan gì đến vụ việc trên.

Về thu giữ và xử lý vật chứng: Không thu giữ vật chứng gì.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi Cơ quan điều tra triệu tập D nhiều lần lên để làm việc. D có tác động tới gia đình để khắc phục hậu quả. Ngày 30/11/2023 ông Nguyễn Huy V và bà Ngô Thị K là bố, mẹ đẻ của D, đại diện gia đình đứng ra để khắc phục toàn số tiền 206.000.000 đồng nêu trên cho chị C. Cùng ngày, sau khi nhận lại toàn bộ số tiền khắc phục hậu quả, chị C viết giấy cam kết không có thắc mắc hay khiếu nại về sau, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Huy D.

Bản cáo trạng số: 83/CT-VKSTS, ngày 28/05/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố A, tỉnh Bắc Ninh đã truy tố Nguyễn Huy D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a, khoản 3, Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố A, tỉnh Bắc Ninh giữ quyền công tố trước phiên tòa sau khi phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân bị cáo, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Nguyễn Huy D về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử;

Áp dụng: Điểm a, khoản 3, Điều 174; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt Nguyễn Huy D từ 04 năm, 06 tháng đến 05 năm tù thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 19/3/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết do bị hại không yêu cầu.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Bị cáo đồng ý nhận tội, không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Huy D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo là phù hợp với không gian, thời gian, đơn trình báo và lời trình bày của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ được công khai và tranh tụng tại phiên tòa thấy đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Huy D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm được quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 174 BLHS đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, làm mất trật tự trị an tại địa Phương và gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, hoàn toàn nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Do có nhu cầu muốn xin giảm nhẹ hình phạt cho em họ và xin cấp giấy phép phòng cháy chữa cháy cho quán Karaoke NĐ cho dì ruột, nên chị Nguyễn Minh C đã liên hệ với D để nhờ giúp. Mặc dù D không làm trong lĩnh vực có liên quan và không có khả năng thực hiện, nhưng D vẫn chủ động nhận lời hứa giúp chị C và bảo chị C đưa tiền mặt và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng Agribank của D nhiều lần. Trong đó có 140.000.000 đồng để xin giảm nhẹ hình phạt và 66.000.000 đồng để lo xin cấp giấy phép phòng cháy chữa cháy. Sau khi nhận tiền do chị C chuyển, D đã chi tiêu cá nhân hết. Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 9/2022 đến 4/2023, Nguyễn Huy D đã lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Minh C tổng số tiền là 206.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật. Do vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng nhằm đảm bảo tác dụng giáo dục đối với bị cáo cũng như răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 2 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Do vậy, cần áp dụng hình phạt

nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng khi lượng hình cần xem xét sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ngoài ra bị cáo đã tác động gia đình, do bố, mẹ bị cáo đã trực tiếp nộp 206.000.000 đồng cho chị C để khắc phục toàn bộ hậu quả cho bị cáo, ngoài ra ngày 27/4/1998 bị cáo đã được Tổng cục trưởng Tổng cục cảnh sát nhân dân tặng bằng khen vì “đã có thành tích xuất sắc tham gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội dịp tết Mậu Dần năm 1998”, bị cáo được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có thời gian đình hoãn vụ lực lượng Công an nhân dân, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó khilượng hình, có thể áp dụng cho bị cáo được hưởng mức án dưới khung hình phạt.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo D có tác động tới gia đình để khắc phục hậu quả. Ngày 30/11/2023 ông Nguyễn Huy V và bà Ngô Thị K là bố, mẹ đẻ của bị cáo D, đại diện gia đình đứng ra để khắc phục toàn số tiền 206.000.000 đồng nêu trên cho chị C, sau khi nhận lại toàn bộ số tiền khắc phục hậu quả, chị C viết giấy cam kết không có thắc mắc hay khiếu nại về sau và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Huy D. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Đối với hành vi đưa tiền mặt, chuyển khoản của chị C nhờ bị cáo D lo giảm án cho Nguyễn Xuân T và xin giấy tờ phòng cháy chữa cháy, giấy an ninh, cấp lại giấy phép đăng ký kinh doanh cho quán Karaoke NĐ, hành vi đưa tiền cho chị C của bà O, bà Y để lo việc như đã nêu ở trên. Xét thấy, chị C đã chủ động khai báo nên Cơ quan điều tra nhắc nhở là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại Iphone 5, màu trắng bị cáo Nguyễn Huy D sử dụng để liên lạc, trao đổi các nội dung liên quan đến hành vi phạm tội với chị Nguyễn Minh C. Quá trình điều tra bị cáo D khai nhận chiếc điện thoại này đã bị hỏng, nên đã vứt bỏ. Cơ quan CSĐT đã tiến hành thông báo truy tìm tang vật, tuy nhiên hiện chưa tìm thấy. Do vậy, cơ quan điều tra không thu hồi được.

[6] Về vật chứng: Không thu giữ vật chứng gì.

[7] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính lẽ ra cần phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền để sung công quỹ Nhà nước nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng, nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm a, khoản 3, Điều 174; Điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136; Điều 329; Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Huy D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Huy D tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Huy D 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 19/3/2024.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Do vậy; Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND thành phố A.
- VKS tỉnh Bắc Ninh.
- THADS thành phố A.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Phương